

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2026/HS-PT

Ngày: 10-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Ngọc Giàu.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 362/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Phan Viết M và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Phan Viết M**, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1981 tại thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số 031081002134, cấp ngày 13/07/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXXH – Bộ Công an; tên gọi khác: không; nơi cư trú: phường Đ, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: phường T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Viết C và bà Đặng Thị Đ; bị cáo có vợ tên Trần Thị Kim N, sinh năm 1985 và 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Tấn Đ1**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1982 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); căn cước công dân số 082082018462, cấp ngày 10/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXXH – Bộ Công an; tên gọi khác: không; nơi cư trú và chỗ ở: 86 Quốc lộ A, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990; bị cáo

chưa có con; tiền án: tiền sự: không; về nhân thân: năm 2012, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 60/2012/HSST ngày 28/8/2012; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Viết M:* Ông Võ Trọng K, Luật sư Văn phòng Luật sư Võ Trọng K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/6/2024, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Bộ Công an phát hiện bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 điều khiển xe cuốc hiệu KOMATSU, BKS: 72XA0775 đang cuốc, mức chất thải là xỉ thải phát sinh từ xưởng nấu nhôm của bị cáo Phan Viết M làm chủ tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp) để đổ, chôn lấp chất thải trái pháp luật ra các thửa đất xung quanh xưởng nấu nhôm, nên lập biên bản sự việc để xử lý theo quy định.

Ngày 12/6/2024, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường chủ trì, phối hợp cùng các lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm về môi trường tại 05 thửa đất số 2782, 2783, 2784, 2785 và 2786 tờ bản đồ số 01, thuộc ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp).

Trong đó, thửa đất số 2782 và 2784 thuộc quyền sử dụng của ông Hà Tất T1, sinh năm 1985, thửa số 2783 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Nhật T2, sinh năm 1987, cùng cư trú: ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, phường T, tỉnh Đồng Tháp); 02 thửa đất số 2785 và số 2786 thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình kiểm tra, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường phát hiện xưởng nấu nhôm do bị cáo Phan Viết M làm chủ đã đổ, chôn, lấp chất thải (xỉ thải) trái phép lên 05 thửa đất nêu trên với tổng diện tích 2.518m², tổng khối lượng chất thải chôn lấp ước tính khoảng 4.291.773kg là chất thải rắn thông thường (theo kết quả khảo sát của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K1), nên khởi tố vụ án hình sự về tội "Gây ô nhiễm môi trường", đồng thời chuyển vụ án hình sự cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định: Xưởng nấu nhôm của bị cáo Phan Viết M thuộc ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hướng Bắc giáp với nhiều nhà dân, hướng Nam giáp với sông T, hướng Đông giáp với phần đất của Hà Tất T1, hướng Tây giáp với xưởng đóng tàu M2. Từ hướng Đông của xưởng với vách tường chạy dài từ

hướng Bắc sang hướng Nam (hướng ra sông T có xây dựng bờ kè bằng bê tông kiên cố), khu vực này có xỉ thải màu đen, diện tích 2.518m², cách về hướng Đông 6,12m là vách tường bằng gạch ống có một lối ra vào rộng 03m dẫn đến một vùng xỉ thải màu đen có diện tích (10 × 7,1) m; tiếp tục kiểm tra khu vực mặt hướng Tây của xưởng phát hiện phần đất cát bằng phẳng có chiều rộng 7,1m, chiều dài 96,4m chạy dài từ đầu xưởng đến khu vực bờ kè phát hiện nhiều nhóm đất màu đen (xỉ thải) ở nhiều vị trí khác nhau.

Trên cơ sở khảo sát của Công ty K1, Cơ quan điều tra tiến hành đo đạc, ghi nhận và thu gom thực tế tổng khối lượng xỉ thải (chất thải) là 1.068.060kg, cụ thể như sau: Trên thửa đất số 2782 và 2783 có 756.360kg; trên thửa đất số 2784 có 97.870kg và trên thửa đất số 2785 và 2786 có 213.830kg. Căn cứ Kết luận giám định số 5917 ngày 28/11/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì các mẫu gửi giám định là chất thải rắn thông thường.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra thu gom 03 đồng chất thải có tổng khối lượng: 245,34m xỉ thải có lẫn nhiều tạp chất (cát, đá...) không thể bóc tách nhằm xác định khối lượng cụ thể xỉ thải để quy kết trách nhiệm hình sự, nên tiến hành bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Kết quả điều tra xác định hành vi "Gây ô nhiễm môi trường" của Phan Viết M và Nguyễn Tấn Đ1 như sau: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là Công ty M3), do Phan Viết M đại diện theo pháp luật và quản lý điều hành hoạt động, không có thành viên khác góp vốn vào công ty. Công ty M3 được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 1201675501 lần đầu ngày 04/7/2023; ngành, nghề kinh doanh chính: bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; trụ sở Công ty: Số E T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tháng 4/2022, Phan Viết M được ông Hà Tất T1 và bà Nguyễn Thị Nhật T2 cho mượn nhà xưởng trên khu đất có diện tích 1.169,2m², thuộc thửa số 2783, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang để chứa vỏ lon nhôm phế liệu, nhưng không lập hợp đồng theo quy định.

Khoảng tháng 02/2023, Phan Viết M thuê Nguyễn Tấn Đ1 làm công với nhiệm vụ là thợ lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện trong xưởng, M trả công cho Đ1 500.000 đồng/ngày. Khoảng tháng 6/2023, M tự ý xây dựng 02 lò nấu nhôm và 02 lò tách xỉ nhằm tái chế lon nhôm phế liệu, nhưng không có sự đồng ý của ông Hà Tất T1 và bà Nguyễn Thị Nhật T2, không đăng ký hoạt động và không có hồ sơ thủ tục bảo vệ môi trường theo quy định. Phan Viết M giao cho Nguyễn Tấn Đ1 quản lý xưởng nhôm (quản lý, trả lương công nhân và đồ, chôn, lấp chất thải là xỉ nhôm phát sinh trong quá trình tái chế nhôm ra các khu đất xung quanh xưởng); còn M quản lý, điều hành chung hoạt động của xưởng nấu nhôm.

Quy trình tái chế nhôm tại xưởng được thực hiện như sau: M sử dụng nguyên liệu chính dùng để tái chế (nấu) nhôm là vỏ lon nhôm bia, nước giải khát được thu mua từ các vựa phế liệu ở nhiều đầu mối khác nhau, sử dụng nguyên liệu đốt là dầu gia vị (dầu được ép ra từ vỏ hạt điều) để nấu chảy, loại bỏ xỉ

nhôm (bã xỉ nhôm) thu được nhôm lỏng (nhôm trong), nhôm lỏng được múc đổ vào khuôn tạo hình thỏi nhôm có trọng lượng khoảng 08kg/thỏi. Đối với xỉ nhôm (bã xỉ nhôm) tiếp tục được vớt ra đưa vào 02 máy tách xỉ, phối trộn với than đá (than viên xay), bột tách xỉ (bột kích nhiệt) để tách xỉ nhôm còn lại, tiếp tục thu được nhôm lỏng (nhôm trong) và loại bỏ xỉ thải.

Cuối cùng, quy trình nấu nhôm phát sinh chất thải (xỉ thải) có dạng màu đen được đổ trực tiếp ra 02 miệng cửa lò tách xỉ (khu vực ngoài trời, không có thiết bị lưu chứa xỉ thải, không có mái che, không có vật dụng che chắn, trên nền đất, không lót đáy; chịu ảnh hưởng, tác động trực tiếp bởi môi trường bên ngoài).

Thực hiện sự phân công, chỉ đạo của bị cáo Phan Viết M, hằng ngày bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 điều khiển máy cuốc, máy xúc lật do M trang bị phục vụ cho hoạt động của xưởng để thu gom xỉ thải phát sinh trong quá trình nấu nhôm thành đồng tại khu đất gần xưởng nấu nhôm, sau đó đổ, san lấp, chôn xỉ thải ra các thửa đất xung quanh xưởng nấu nhôm. Khoảng tháng 9/2023, bị cáo Phan Viết M thuê Trần Văn P, sinh năm 1987, cư trú: phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cùng làm quản lý với Nguyễn Tấn Đ1 với tiền công 9.000.000 đồng/tháng. Việc thuê P không có lập hợp đồng lao động, anh P không hùn vốn kinh doanh với M tại xưởng nấu nhôm, nhiệm vụ của P là quản lý chăm công, trả tiền thuê công nhân, theo dõi nhập lon nhôm phế liệu.

Bị cáo Đ1 thực hiện công việc sửa điện, lái xe cơ giới san, gạt, chôn, lấp xỉ nhôm theo chỉ đạo trước đó của M. Quá trình làm quản lý, do hoạt động nấu nhôm sản lượng ít, không hiệu quả, lợi nhuận thấp nên P đề nghị và được M đồng ý phá bỏ hệ thống lò nấu nhôm cũ để xây dựng mới có công suất cao hơn. Đến khoảng tháng 02/2024, việc xây dựng hệ thống lò nấu mới được hoàn thành và bắt đầu hoạt động nấu nhôm trở lại, anh P tiếp tục được bị cáo M giao nhiệm vụ quản lý xưởng nấu nhôm với các phân công việc như trên và báo cáo công việc trực tiếp với M; Đ1 vẫn tiếp tục thực hiện công việc san gạt, chôn, lấp xỉ nhôm, sửa chữa điện.

Trần Văn P xác định, khi vào làm việc từ tháng 9/2023 thì việc cuốc, múc, san lấp chất thải của Nguyễn Tấn Đ1 được Phan Viết M giao từ trước và đã có xỉ thải phát sinh từ trước nhưng không xác định được khối lượng là bao nhiêu. Đến tháng 4/2024, khi lò nấu nhôm mới hoạt động, P thấy phần đất phía sau xưởng nấu nhôm không bằng phẳng, bị trũng, ngập nước nên yêu cầu Đ1 ủi đồng chất thải ra vị trí các phần đất xung quanh xưởng nấu nhôm để san lấp.

Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng như sau:

- 01 xe cuốc bánh xích màu xanh, nhãn hiệu KOMATSU, biển kiểm soát 72XA0775.

- 01 xe xúc lật bánh lốp màu vàng, nhãn hiệu MITSUBISHI WS300 không biển kiểm soát. Tình trạng: đã qua sử dụng.

- 01 xe xúc lật bánh lốp màu vàng, nhãn hiệu LEHMAN, mã kiểu loại ZL920, tên thương mại ZL920, số khung: SY23060129, số động cơ: 2303391,

không biên kiểm soát. Tình trạng: đã qua sử dụng. 01 Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số 23KMC/222386 do Cục Đ2 thuộc Bộ G cấp ngày 31/7/2023 cho phương tiện nhãn hiệu LEHMAN; mã kiểu loại, tên thương mại: ZL920; số khung: SY23060129, số động cơ: 2303391.

- 04 quyển sổ và 02 tờ tài liệu gồm 04 trang giấy tập học sinh có chữ viết chưa xác định thông tin, trong mỗi trang có chữ ký xác nhận của Phan Viết M.

Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố:

- Bị cáo Phan Viết M phạm tội: “Gây ô nhiễm môi trường”.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235, Điều 32, Điều 38, Điều 46, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử phạt bị cáo Phan Viết M 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 32, khoản 4 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Phạt bổ sung bị cáo M 100.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 phạm tội: “Gây ô nhiễm môi trường”.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235, Điều 32, Điều 38, Điều 46, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 26 tháng 9 năm 2025, bị cáo Phan Viết M có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo M xin giảm nhẹ hình phạt và xin xử phạt hình phạt chính bằng tiền.

* Ngày 26 tháng 9 năm 2025, bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo M và bị cáo Đ1 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được xử phạt bằng hình thức phạt tiền là hình phạt chính.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Đơn kháng cáo của bị cáo M và bị cáo Đ1 làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã

khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo M, bị cáo Đ1 về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

- Xét đơn kháng cáo của các bị cáo:

+ Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Đối với bị cáo M: Tại phiên tòa, bị cáo đã cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới như: gia đình có công với cách mạng (ông nội được thưởng Huân chương kháng chiến hạng 2), quá trình sinh sống có tham gia đóng góp thiện nguyện tại địa phương, bị cáo thành khẩn khai báo tại phiên tòa phúc thẩm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

+ Đối với bị cáo Đ1: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Đ1.

+ Riêng việc các bị cáo cùng xin được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính thay hình phạt tù thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Luật sư Võ Trọng K trình bày lý lẽ bào chữa bảo vệ cho bị cáo Phan Viết M: Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư xin cảm ơn Kiểm sát viên đã đề nghị các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo M. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo M về tội “Gây ô nhiễm môi trường” là có căn cứ. Tại khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự đã quy định phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Do đó kháng cáo của bị cáo cũng nằm trong khung hình phạt được Bộ luật Hình sự quy định. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo; có nhiều đóng góp cho công tác thiện nguyện; bị cáo M thuộc gia đình có công cách mạng, có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến; bị cáo tự nguyện yêu cầu Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị cáo nộp số tiền 244.906.200 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo M không có tình tiết tăng nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo M được thi hành hình phạt chính là phạt tiền.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo M và bị cáo Đ1 cùng nhận thức được hành vi phạm tội và xin được phạt tiền để có điều kiện tiếp tục lao động, chăm sóc gia đình và người thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phan Viết M và bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 6/2024, Phan Viết M đã tự ý xây dựng 02 lò nấu nhôm và 02 máy tách xỉ tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp) để tái chế lon nhôm phế liệu thành thỏi nhôm nguyên liệu nhưng không đăng ký hoạt động, không có hồ sơ thủ tục bảo vệ môi trường theo quy định. Quá trình tái chế nhôm phát sinh chất thải rắn thông thường (xỉ thải), bị cáo Phan Viết M phân công và chỉ đạo bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 sử dụng máy cuốc, máy xúc lật để đổ, chôn lấp xỉ thải ra các khu đất xung quanh xưởng, với tổng khối lượng chất thải đã đổ, chôn lấp qua thu gom là 1.068.060kg (kết quả giám định là chất thải rắn thông thường) và 245,34m³ xỉ nhôm lẫn đất, cát, đá.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Viết M và bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, làm ảnh hưởng đến sự trong sạch của không khí, nguồn nước và đất đai trong môi trường sống của con người và thiên nhiên. Các bị cáo là người đã thành niên và nhận thức rõ hành vi chôn lấp chất thải rắn chưa qua xử lý ra môi trường là gây ô nhiễm và phạm tội. Đối với bị cáo M vì muốn có lợi nhuận cao, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Đ1 thì bất chấp pháp luật, muốn có thu thập cho bản thân, nên thực hiện việc san gạt chất thải trái phép theo chỉ đạo của bị cáo M. Cho nên, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Phan Viết M, nhận thấy: Mặc dù diễn biến của phiên tòa sơ thẩm thì bị cáo M có thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng mức độ (định lượng chất thải rắn) dùng để quy kết cho bị cáo là quá cao. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bị cáo M có nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm tờ tường trình với nội dung “.. Sau khi xét xử sơ thẩm tôi đã nhận thấy lỗi lầm của mình và có làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Nay tôi làm tường trình này kính mong Quý Tòa xem xét cho tôi cũng như trình bày rõ nội dung kháng cáo của mình. Kính thưa Quý Tòa, trong tội của tôi thì khung hình phạt là phạt tù hoặc phạt tiền. Tôi kháng cáo mong Quý Tòa xem xét cho tôi được phạt tiền. Lý do: Tôi là lao động chính duy nhất trong gia đình, vợ tôi không có công ăn việc làm, hai con còn nhỏ đang đi học, lại phải nuôi cha mẹ già. Bên cạnh đó, ông nội tôi (Phan Văn C1) là người có công cách mạng được thưởng huân chương kháng chiến hạng II, tôi ăn năn hối cải, nhận thức sai lầm...”. Bị cáo M nộp kèm “Giấy xác nhận nhân thân người có công với cách mạng” có ông nội được tặng H1 chiến kháng chiến hạng II, Quyết định số 22 ngày 22 tháng 4 năm 1985. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm cũng nhận được “Đơn trình bày” của người thân trong gia đình bị cáo M gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng đã tuyên truyền kiến thức pháp luật cho bị cáo M, bị cáo M đã nhận thức được hành vi gây ô nhiễm môi trường là vi phạm pháp luật. Nhận thấy, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nhận thức pháp luật của bị cáo M có rõ ràng hơn, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cung cấp thêm các

tình tiết giảm nhẹ mới đề xin giảm nhẹ hình phạt và xin phạt tiền. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo M và bị cáo Đ1 xin nộp số tiền 244.906.200 đồng để khắc phục hậu quả (các bị cáo đã nộp xong theo Biên lai thu tiền số 0000355 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp). Xét thấy, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng các tiết giảm nhẹ này. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M khai báo thật thà, tỏ ra ăn năn hối cải được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo M cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét và chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo M, cho bị cáo M được giảm nhẹ một phần hình phạt so với mức hình phạt mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên. Riêng việc bị cáo M xin chấp hành hình phạt chính bằng hình phạt tiền không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, khối lượng chất thải mà bị cáo xả ra môi trường là rất lớn, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với mức độ tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt từ 03 đến 07 năm tù. Từ khi vụ án bị phát hiện đến nay, bị cáo chưa khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn Đ1: Bị cáo Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xử phạt tiền. Nhận thấy, mặc dù bị cáo Đ1 phạm tội với vai trò giúp sức, thực hiện việc san gạt chất thải rắn ra môi trường theo sự chỉ đạo điều hành của bị cáo M; tuy nhiên, đáng lẽ ra, khi biết bị cáo Mạnh xả thải ra môi trường thì bị cáo Đ1 phải can ngăn hoặc trình báo cơ quan chức năng, nhưng bị cáo lại thực hiện tích cực bằng cách điều khiển các xe ủi để san lấp chất thải rắn theo sự chỉ đạo của bị cáo M. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ1 có thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, cùng bị cáo M nộp số tiền 244.906.200 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Bị cáo Đ1 cũng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo Đ1 được xem là chưa có tiền án, tiền sự, nhưng xét về nhân thân thì bị cáo Đ1 có nhân thân xấu, vào năm 2012 đã bị xử 02 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ1, riêng việc bị cáo Đ1 xin áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Đối với số tiền 244.906.200 đồng mà bị cáo M và bị cáo Đ1 xin nộp tại phiên tòa phúc thẩm để khắc phục hậu quả (các bị cáo đã nộp xong theo biên lai thu tiền số 0000355 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp): Xét thấy, đây là chi phí mà các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng trong việc thu gom, cân xác định khối lượng chất thải do các bị cáo chôn, lấp, thải; các bị cáo tự nguyện giao nộp là phù hợp với pháp luật, nên sung quỹ Nhà nước số tiền này.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Luật sư Võ Trọng K về việc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M là có căn cứ, được chấp nhận. Riêng việc Luật sư đề nghị cho bị cáo M được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Viết M và bị cáo Nguyễn Tấn Đ1. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp về phần hình phạt đối với bị cáo M và bị cáo Đ1.

2. Tuyên bố bị cáo Phan Viết M, bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 phạm tội: “Gây ô nhiễm môi trường”.

2.1. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235, Điều 32, Điều 38, Điều 46, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử phạt bị cáo Phan Viết M 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 32, khoản 4 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Phạt bổ sung bị cáo M 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự, Điều 32, Điều 38, Điều 46, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Sung quỹ Nhà nước số tiền 244.906.200 (hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm) đồng do bị cáo M và bị cáo Đ1 cùng nộp theo Biên lai thu tiền số 0000355 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GDKTT&THA (TAT);
- TAND khu vực B – Đồng Tháp;
- VKSND khu vực B – Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt